

CỤC THỦY SẢN
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Số: 353 /QĐ-TTKN-CNKN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKH-CN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

*Xét báo cáo ngày 08/01/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNT cho 07 sản phẩm của Công ty TNHH công nghệ sinh học Việt Thanh, địa chỉ: Lô D-9-1, Đường D5, khu công nghiệp Hựu Thanh, xã Hựu Thanh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm nêu trên kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký, thời hạn chứng nhận của sản phẩm được quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận Công ty TNHH công nghệ sinh học Việt Thanh được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH công nghệ sinh học Việt Thanh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT tỉnh Long An;
- Giám đốc Trung tâm (b/c);
- Trung tâm Vùng I;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Yến

Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1.	BIOVITAL MAX	Lô D-9-1, Đường D5, khu công nghiệp Hựu Thạnh, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	HQ.25.00231-1	QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
2.	BETA MAX		HQ.25.00231-2	
3.	AQUAMINERAL		HQ.25.00231-3	
4.	SHRIMP PLUS		HQ.25.00231-4	
5.	ANTISTRESS C10		HQ.25.00231-5	
6.	ANTISTRESS C20		HQ.25.00231-6	
7.	ANTISTRESS C30		HQ.25.00231-7	



Phụ lục
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
			Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
1	BIOVITAL MAX (HQ.25.00231-1) (Nhóm Chế phẩm enzyme, chế phẩm probiotic, chế phẩm prebiotic)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	BETA MAX (HQ.25.00231-2) (Nhóm hoạt chất sinh học và sản phẩm chiết xuất từ thực vật)		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
3	AQUAMINERAL (HQ.25.00231-3) (Nhóm Khoáng chất)		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	<0,9	EN 16278:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	4,67	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,44	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012



STT	Tên sản phẩm	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
			Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
4	SHRIMP PLUS (HQ.25.00231-4) (Nhóm Vitamin, Axit amin, Axit hữu cơ)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	1,6	EN 16278:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,4	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella spp.</i>	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	ANTISTRESS C10 (HQ.25.00231-5) (Nhóm Vitamin, Axit amin, Axit hữu cơ và Khoáng chất)		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella spp.</i>	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
6	ANTISTRESS C20 (HQ.25.00231-6) (Nhóm Vitamin, Axit amin, Axit hữu cơ và Khoáng chất)		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella spp.</i>	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017



STT	Tên sản phẩm	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
			Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử
7	ANTISTRESS C30 (HQ.25.00231-7) (Nhóm Vitamin, Axit amin, Axit hữu cơ và Khoáng chất)	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
			Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
			Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
			Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
			<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
			<i>Salmonella</i> spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH - không phát hiện

